TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2019/DS-ST
Ngày 20/11/2019
V/v: Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Quyết.

2. Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Quàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MLtham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST–DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông NTB, sinh năm 1953. Bà NTN, sinh năm 1953, trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: Anh NTC, sinh năm 1984, trú tại: trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh NTA, sinh năm 1979, trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

Chị NTTT, sinh năm 1982, trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa.

Chị NTT, sinh năm 1977, trú tại: Trường Mầm non, PL, xã MK, huyện TC, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông NTB và bà NTN trình bày:

Hai ông bà lên công tác và sinh sống ở Tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL từ năm 1979. Hai ông bà có thửa đất diện tích khoảng 800m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2002 để giữ đất ông bà làm thủ tách cho hai con trai là NTA 90m^2 và NTC 90m^2, năm 2003 do gia đình khó khăn ông đã cùng anh NTA chuyển nhượng 90m^2 cho người khác để lấy tiền cho các con ăn học. Thửa đất mang tên NTC 90m^2 (được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri T 321392, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số 227/QSDĐ/QĐ số: 16/QĐ-UB ngày 11/01/2002, tờ bản đồ số 1, thửa 21b, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL), ông bà xác định không phải của anh NTC, bản thân ông bà là trực tiếp nộp thuế sử dụng đất. Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh NTC trả lại diện tích đất mà anh NTC đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà.

Tại bản tự khai, lời khai tại phiên hòa giải hai ông bà thay đổi nội dung khởi kiện cho rằng Thửa đất mang tên NTC 90m^2 ông bà xác định không phải của anh NTC mà là của chung 6 người trong gia đình, ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh NTC trả lại diện tích đất mà anh NTC đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chia đều giá trị thửa đất cho sáu người.

Bị đơn anh NTC trình bày:

Năm 2002 bố mẹ cho anh thửa đất 90m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh. Năm 2009 anh lấy vợ và ở riêng, đến năm 2010 bố mẹ anh bảo hai vợ chồng cùng xây hai nhà và phần hoàn thiện phải tự làm, nhưng khi xây ông bà chỉ xây nhà phần đất của ông bà và bảo anh chị ở chung, anh xin lấy bìa đất để vay ngân hàng tiền ông bà không cho, sau đó xảy ra mâu thuẫn ông bà đuổi anh chị phải đi ở thuê nhà từ đó đến nay. Nay ông bà và các anh chị đòi lại đất đã cho anh để bán chia cho 6 người anh không nhất trí. Việc mọi người bàn bạc thống nhất đòi lại đất của anh để chia cho 6 người anh không được tham gia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh NTA, chị NTTT, chị NTT đều trình bày: Anh chị là con của ông NTB và bà NTN. Việc ông bà đòi lại thửa đất 90m^2 mang tên NTC để bán đi chia cho sáu người đã được thống nhất trong gia đình gồm 5 người ông NTB, bà NTN, anh NTA, chị NTTT, chị NTT, vì vậy các anh chị đều nhất trí việc ông bà đòi lại quyền sử dụng đất để bán đi chia cho 6 người.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định. Về nội dung: Căn cứ Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 3, Điều 71, Điều 79 của Luật Đất đai 1993; các Điều 692, 693, 695, 696 của Bộ luật Dân sự 1995; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NTB, bà NTN.

Bác yêu cầu của ông NTB, bà NTN, anh NTA, chị NTTT, chị NTT đòi lại diện tích đất mà anh NTC là người chủ sử dụng đất đã được cấp số sê ri T 321392, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số 227/QSDĐ/QĐ số: 16/QĐ-UB ngày 11/01/2002, tờ bản đồ số 1, thửa 21b, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL để bán thửa đất chia cho 6 người.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án: Ông NTB, bà NTN, anh NTA, chị NTTT, chị NTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất giữa ông NTB, bà NTN và anh NTC đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL, theo quy định của khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, huyện ML, tỉnh SL.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn anh NTC: Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh có yêu cầu phản tố yêu cầu ông NTB, bà NTN trả lại quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông NTB, bà NTN đang giữ. Tại văn bản ngày 15/10/2019 anh NTC rút yêu cầu phản tố, do ông NTB, bà NTN là bố mẹ anh, không muốn pháp luật can thiệp, để sau này trong gia đình anh tự giải quyết và anh không nộp tạm ứng án phí, do đó các yêu cầu của anh NTC không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không giải quyết.

Về yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NTA, chị NTTT, chị NTT: Đều đồng yêu cầu và xác định thửa đất 90m^2 mang tên NTC là của chung để bán đi chia cho sáu người gồm: ông NTB, bà NTN, anh NTA, chị NTTT, chị NTT và anh NTC.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị NTTT đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định của Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ để xét xử vắng mặt họ.

[2] Về căn cứ pháp lý:

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-UB ngày 11/01/2002 của Ủy ban nhân dân huyện ML, tỉnh SL. Về việc cấp đất cho các hộ gia đình; Căn cứ danh sách cấp đất cho các hộ gia đình (kèm theo quyết định trên) thì ông NTB, bà NTN đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất cho anh NTC: Thửa đất mang tên NTC, diện tích 90m^2, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri T 321392, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số 227/QSDĐ/QĐ số: 16/QĐ-UB ngày 11/01/2002, tờ bản đồ số 1, thửa 21b, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Do đó căn cứ pháp lý áp dụng để giải quyết là: Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004; Luật Đất đai năm 1993; Bộ luật dân sự năm 1995.

[3] Xét về yêu cầu của nguyên đơn ông NTB, bà NTN, yêu cầu trả lại diện tích đất mà anh NTC đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Về nguồn gốc đất mà anh NTC được quyền sử dụng, được ông NTB, bà NTN, anh NTA, chị NTTT, chị NTT, anh NTC và chính quyền địa phương đều xác định do ông NTB, bà NTN chuyển quyền sử dụng đất cho năm 2002. Thực tế trong năm 2002 ông NTB, bà NTN đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất cho anh NTA 90m^2, anh NTC 90m^2, Nguyễn Thị Hằng 50m^2.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, Điều 71, Điều 79 của Luật Đất đai 1993; các Điều 692, 693, 695, 696 của Bộ luật Dân sự 1995 thì tại thời điểm năm 2002 ông NTB, bà NTN đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất khi chuyển quyền cho anh NTC và việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm được đăng ký quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân. Như vậy căn cứ Quyết định số 16/QĐ-UB ngày 11/01/2002 của Ủy ban nhân dân huyện ML, tỉnh SL. Về việc cấp đất cho các hộ gia đình; Căn cứ danh sách cấp đất cho các hộ gia đình (kèm theo quyết định trên) thì ông NTB, bà NTN đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất cho anh NTC: Thửa đất mang tên NTC, diện tích 90m^2, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri T 321392, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số 227/QSDĐ/QĐ số: 16/QĐ-UB ngày 11/01/2002, tờ bản đồ số 1, thửa 21b, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL.

Về việc nộp thuế sử dụng đất, tại công văn số 198/CCT-LXTT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thuế huyện ML, tỉnh SL xác định: Việc người nộp thuế quyền sử dụng đất không phải căn cứ để giải quyết tranh chấp.

[4] Xét về yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NTA, chị NTTT, chị NTT: Đều đồng yêu cầu với nguyên đơn ông NTB, bà NTN và xác định thửa đất 90m^2 mang tên NTC là của chung để bán đi chia cho sáu người. Xét thấy tại lời khai của ông NTB, bà NTN, anh NTA, chị NTTT, chị NTT

khi gia đình bàn bạc về việc bán thửa đất chia cho 6 người lại không có ý kiến của anh NTC là người chủ sử dụng đất, như vậy thỏa thuận về việc bán thửa đất chia cho 6 người này là chưa hợp pháp.

Vì vậy việc đòi lại diện tích đất mà anh NTC là người chủ sử dụng đất của ông NTB, bà NTN là không hợp tình, hợp lý và không đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên không có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông NTB, bà NTN. Không có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NTA, chị NTTT, chị NTT.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án: Ông NTB, bà NTN, anh NTA, chị NTTT, chị NTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 3, Điều 71, Điều 79 của Luật Đất đai 1993; các Điều 692, 693, 695, 696 của Bộ luật Dân sự 1995; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NTB, bà NTN.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông NTB, bà NTN về: Đòi lại diện tích đất mà anh NTC là người chủ sử dụng đất đã được cấp số sê ri T 321392, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số 227/QSDĐ/QĐ số: 16/QĐ-UB ngày 11/01/2002, tờ bản đồ số 1, thửa 21b, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL.

3. Bác yêu cầu của ông NTB, bà NTN, anh NTA, chị NTTT, chị NTT đòi lại diện tích đất mà anh NTC là người chủ sử dụng đất đã được cấp số sê ri T 321392, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số 227/QSDĐ/QĐ số: 16/QĐ-UB ngày 11/01/2002, tờ bản đồ số 1, thửa 21b, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL để bán thửa đất chia cho 6 người.

4. Về án phí:

Ông NTB, bà NTN phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002357 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Anh NTA phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho anh NTA tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.700.000, đồng (ba triệu bẩy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002369 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị NTTT phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho chị NTTT tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.700.000, đồng (ba triệu bẩy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002367 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị NTT phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho chị NTT tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.700.000, đồng (ba triệu bẩy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002368 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 20/11/2019. Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị NTTT biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML(2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự (6);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án".